

CÔNG TY TNHH SHIMMERING LIGHT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SHIMMERING LIGHT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHIMMERING LIGHT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SHIMMERING LIGHT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110677411

3. Ngày thành lập: 09/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, số 9, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979896699

Fax:

Email: shimmeringlight.vn@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ những loại nhà nước cấm)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

12.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng (Điều 1 Thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 Quy định về quản lý thực phẩm chức năng của Bộ Y tế) - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; - Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh.	4632
13.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn như rượu, bia (Điều 12, Nghị định 105/2017/NĐ-CP sản xuất kinh doanh rượu và Điều 17 Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương) - Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn nệm, phụ kiện nệm (Trừ loại bị nhà nước cấm)	4649(Chính)
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ máy móc thiết bị y tế)	4659
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 - Luật thương mại năm 2005)	8299

19.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo kỹ năng khởi nghiệp; - Đào tạo kỹ năng bán hàng	8559
20.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục	8560
21.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
22.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm pháp luật, tài chính, kế toán)	7020
23.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo) (Điều 7, Luật Quảng cáo năm 2012)	7310
24.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710
25.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ rượu, bia; (Điều 13, Nghị định 105/2017/NĐ-CP sản xuất kinh doanh rượu và Điều 17 Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương) - Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
31.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

32.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)	4791
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô (Điều 9, Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kho ngoại quan)	5210
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
37.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
38.	Đại lý du lịch	7911
39.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
40.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
41.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
45.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
46.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
47.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
48.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
49.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4772

